TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19/9/2018.
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phùng Thành.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Tô Văn Đào.
2. Ông Nguyễn Cao Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hải Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 195/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2018, về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXX-ST ngày 27 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đoàn Ngọc C, sinh năm: 1984

- Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm: 1992

Cùng trú tại: Tổ 2, thôn L, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam; Anh C có mặt, chị H có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cũng như trong quá trình hòa giải tại tòa án, nguyên đơn anh Đoàn Ngọc C trình bày: Tôi và chị H tự nguyện tìm hiểu và đến với nhau thành vợ chồng, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T vào năm 2012. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp với nhau. Vợ tôi đi làm ăn xa và phát sinh tình cảm với người khác, không còn quan tâm đến chồng con. Vợ chồng phần ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn thương yêu nhau. Từ đó vợ chồng thường xuyên cải vả nhau. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng đã hết nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 02 con chung tên là:
1. Đoàn Hoàng G, sinh ngày 18/7/2010.
2. Đoàn Hoàng L, sinh ngày 09/3/2012.
Nếu ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cháu L, vợ tôi nuôi cháu G và không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Nợ chung: Không có.

Ngày 10/8/2018, anh C có đơn yêu cầu thay đổi nội dung đã thỏa thuận. Anh C yêu cầu được nuôi cả hai cháu G và L và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

* Bị đơn, chị Lê Thị H trình bày tại bản tự khai, biên bản hòa giải**:** Tôi thống nhất hoàn cảnh kết hôn và thời gian kết hôn như chồng tôi trình bày. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tôi không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải vả nhau. Nay chồng tôi yêu cầu được ly hôn tôi thống nhất và yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng tôi được ly hôn với nhau.

- Về con chung: Vợ chồng chúng tôi có 02 con chung tên là:

1. Đoàn Hoàng G, sinh ngày 18/7/2010.

2. Đoàn Hoàng L, sinh ngày 09/3/2012.

Nếu ly hôn tôi thống nhất như yêu cầu của chồng. Tôi được nuôi cháu G, chồng tôi nuôi cháu L và không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào.

- Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

- Nợ chung: Không có.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 16/8/2018 chị H xin được vắng mặt và thống nhất giao hai con cho anh C nuôi dưỡng. Chị H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư Ký, Hội đồng xét xử, các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, trình tự thu thập chứng cứ là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện ly hôn của các đương sự. Đề nghị chấp nhận nguyện vọng của nguyên đơn giao hai cháu L và G cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ lời trình bày của đương sự tại phiên, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về ly hôn, nuôi con là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Vụ án có các bên đương sự cư trú

tại huyện T, tỉnh Quảng Nam. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Xét thấy bị đơn chị Lê Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Đoàn Ngọc C và chị Lê Thị H là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 04/2012, ngày 29/02/2012 do Uỷ ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam cấp. Sau khi kết hôn, anh C, chị H đều xác định vợ chồng không hạnh phúc. Nguyên nhân theo anh C là do chị H phát sinh tình cảm với người khác. Còn theo chị H nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tôi không hiểu nhau, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cải vả. Trong quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên đoàn tụ chung sống, làm ăn nuôi con. Nhưng anh C và chị H không muốn chung sống cùng nhau. Cả hai người thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử thấy vợ chồng anh C chị H thật sự không mong muốn sống nhau. Nếu có ép buộc thì mục đích hôn nhân không đạt được, nếu có kéo dài thì cuộc sống hôn nhân cũng không có hạnh phúc. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ghi nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn của anh Đoàn Văn C và chị Lê Thị H.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh C chị H thống nhất có 02 con chung tên là: Đoàn Hoàng G, sinh ngày 18/7/2010 và Đoàn Hoàng L, sinh ngày 09/3/2012. Trước đây vợ chồng anh C chị H thống nhất anh C nuôi cháu L, chị H được nuôi cháu Gia và không bên nào cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Ngày 10/8/2018, anh C có đơn yêu cầu thay đổi nội dung đã thỏa thuận. Anh C yêu cầu được nuôi cả hai cháu G và L và không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Ngày 16/8/2018 chị H có đơn xin được vắng mặt và thống nhất giao hai cháu G và L cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng. Chị H cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với nguyện vọng của con. Trong thời gian anh chị ly thân, các cháu G và L sống với anh C và các cháu vẫn sống tốt như những đứa trẻ khác. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo điều kiện và môi trường sống cho các cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao các cháu G và L cho anh C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với quy định tại các Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

[4] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Trước đây và tại phiên tòa anh C không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Nhưng chị H có nguyện vọng được cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh C theo quy định pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị H. Buộc chị Lê Thị H phải cấp dưỡng nuôi các con chung cùng anh C là các cháu Đoàn Hoàng G, sinh ngày 18/7/2010 và Đoàn Hoàng L, sinh ngày

09/3/2012 mỗi cháu mỗi tháng 700.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi các cháu G và L đủ 18 tuổi, trưởng thành.

[5] Về tài sản chung: Anh C chị H thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Anh C chị H thống nhất không có nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000^{đ} anh Đoàn Ngọc C phải chịu. Được tính trừ vào số tiền: 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà anh C đã nộp theo biên lại thu số 0020789 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam. Chị H phải chịu số tiền 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định theo quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn , giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

[8] Các bên đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định tại các Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[9] Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 146; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 2; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thỏa thuận, thuận tình ly hôn của anh Đoàn Văn C và chị Lê Thị H. Anh Đoàn Văn C được ly hôn chị Lê Thị H.

2. Về nuôi con chung:

2.1.Giao các cháu Đoàn Hoàng G, sinh ngày 18/7/2010 và Đoàn Hoàng L, sinh ngày 09/3/2012 cho anh Đoàn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung

2.2. Chị Lê Thị H phải cấp dưỡng nuôi các con chung cùng anh C là các cháu Đoàn Hoàng G, sinh ngày 18/7/2010 và Đoàn Hoàng L, sinh ngày 09/3/2012 mỗi cháu

mỗi tháng 700.000 đồng, thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 9 năm 2017 cho đến khi các cháu G và L đủ 18 tuổi, trưởng thành.

Kể từ ngày anh C có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền cấp dưỡng nêu trên, nếu chị H không chịu thi hành thì hàng tháng chị H còn phải chịu trả lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung: Anh C chị H thống nhất không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Anh C chị H thống nhất không có nợ chung, Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000^{đ} anh Đoàn Ngọc C phải chịu. Được tính trừ vào số tiền: 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí mà anh C đã nộp theo biên lại thu số 0020789 ngày 03/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Quảng Nam. Chị Huệ phải chịu số tiền 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) án phí về cấp dưỡng nuôi con.

6. Anh C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND – VKSND tỉnh Quảng Nam;*
- *VKSND huyện T;*
- *Chi cục THA.DS huyện T;*
- *UBND xã B;*
- *Các bên đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, lưu án văn;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký tên và đóng dấu)

Đặng Phùng Thành